TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-PT
Ngày 20 - 04 - 2021
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành và ông Trần Văn Thái.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2021/TLPT- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2021/QĐ - PT ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị U, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người kháng cáo: Chị Đinh Thị U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Đinh Thị U vào ngày 06 tháng 12 năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện T. Sau khi kết hôn chị U về chung sống cùng gia đình anh ngay. Tình cảm vợ chồng bình thường đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn càng trầm trọng, cuộc sống vợ

chồng không có hạnh phúc song vì con nên anh chị vẫn sống cùng nhau. Vào tháng 5 năm 2020 anh M nộp đơn xin ly hôn sau đó anh rút đơn, kể từ khi rút đơn tình cảm không cải thiện, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị U.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh M xác định có hai con chung là cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Minh P, sinh ngày 16/10/2015, hai cháu đang sống cùng chị U. Ly hôn anh đồng ý để chị U tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị U với mức 1.000.000đồng/tháng/cháu.

Về quan hệ tài sản: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Đinh Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận lời trình bày của anh M về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian ly thân là đúng. Năm 2019 anh M đi làm xa nhà ít quan tâm đến vợ con, từ đó vợ chồng không tin tưởng nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn. Đầu năm 2020 anh M làm đơn xin ly hôn, sau đó anh rút đơn nhưng tình cảm không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân, anh M không quan tâm và không có trách nhiệm gì với chị. Trong thời gian sống ly thân, chị đã cố gắng hàn gắn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh M kiên quyết không đồng ý. Nay anh M xin ly hôn, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng và khó có khả năng đoàn tụ song vì các con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị U xác định có hai con chung như anh M trình bày. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đồng/tháng/cháu.

Về quan hệ tài sản: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung nêu trên, Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021, của Tòa án nhân dân huyện T, quyết định: Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn với chị Đinh Thị U.

2. Giao cho chị Đinh Thị U được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức L, sinh ngày 20/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc Minh P, sinh ngày 16/10/2015. Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000đồng/tháng/cháu kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu Lâm và cháu Phương đủ 18 tuổi và có thể tự túc lao động; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 20/01/2021, chị Đinh Thị U có đơn kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh M. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn ly hôn của anh M

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị U, sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Toà án nhân dân huyện T, bác đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Đinh Thị U làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[2] Xét nội dung kháng cáo của chị Đinh Thị U đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Anh Nguyễn Văn M và chị Đinh Thị U được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 06/12/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án cả anh M và chị U đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018, đầu năm 2019 do anh M ra Hà Nội làm ăn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm. Đầu tháng 5 năm 2020 anh M làm đơn xin ly hôn chị U, ngày 06/5/2020 Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án, ngày 14/5/2020 anh M tự nguyện rút đơn khởi kiện. Ngày 14/9/2020 anh M nộp lại đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh M được ly hôn với chị U. Tại bản tự khai ngày 12/10/2020 chị U xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và vì con chung nên chị U xin đoàn tụ, còn nếu anh

M cương quyết xin ly hôn thì chị U đồng ý. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết cho anh M được ly hôn với chị U.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh M và chị U đều khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng về quan điểm, ngoài ra không có mâu thuẫn nào khác; đồng thời khẳng định mâu thuẫn xảy ra là do anh M đi làm ăn xa, ít về nhà và tự cắt liên lạc với chị U và gia đình anh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm bố đẻ anh M là ông Nguyễn Văn I đề nghị Hội đồng xét xử cho ông làm chứng về việc tình cảm của anh M với chị U chưa xảy ra mâu thuẫn gì, theo ông I khẳng định: Nguyên nhân vợ chồng anh M, chị U cho rằng sống ly thân là do khoảng tháng 01 năm 2019 anh M xin gia đình cho ra Hà Nội làm để có thu nhập cao hơn, sau đó thì anh M tự cắt liên lạc với gia đình, ít khi về nhà, nếu có về thì chỉ về rồi lại đi ngay, thậm chí ngày 30 Tết năm 2020 anh M có về và nói thăm bố mẹ rồi đi luôn; anh M không có trách nhiệm gì với vợ, với con và bố mẹ đẻ; toàn bộ sinh hoạt gia đình và lo cho con học hành đều do chị U gánh vác, chị U vẫn thực hiện trách nhiệm của người con, người mẹ trong gia đình ông; gia đình ông cũng chưa bao giờ phải can thiệp gì về việc vợ chồng anh M, chị U mâu thuẫn. Lời trình bày của ông I được anh M và chị U thừa nhận. Do có tình tiết mới nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của anh M và chị U chưa trầm trọng; vợ chồng anh M, chị U còn trẻ, về mặt tinh thần cần hỗ trợ lẫn nhau để cùng chung sống chăm sóc, giáo dục con chung. Hơn nữa, anh M, chị U trước đây đã trải qua thời gian tìm hiểu, thử thách để chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung. Đến nay, anh M đưa ra lý do không còn tình cảm với chị U do bất đồng về quan điểm là không thuyết phục. Do đó, nguyện vọng muốn vợ chồng đoàn tụ, nương tựa lẫn nhau để cùng chăm sóc con chung của chị U là thực tâm, chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh M xin ly hôn chị U.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nên vấn đề con chung của 02 bên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Anh M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; chị U không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo của chị U được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của chị Đinh Thị U, sửa bản án sơ thẩm số 03/2021/HNGĐ-ST ngày 20/01/2021 của Toà án nhân dân huyện T.

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn M xin ly hôn chị Đinh Thị U.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008347 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Đinh Thị U không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008217 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Hà